

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ FULI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ FULI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FULI TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110561103

**3. Ngày thành lập:** 05/12/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 12, Tòa nhà Licogi 13, số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904043488

Fax:

Email: Fuligroupvn@gmail.com

Website: Fuligroup.com.vn

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4610        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                                                                | 4649        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651(Chính) |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế ; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; | 4659        |
| 6.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4661        |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                        | 8299        |
| 9.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6201        |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6202        |
| 11. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(không bao gồm xử lý dữ liệu trong lĩnh vực viễn thông)                                                                                                                                                                                                                              | 6311        |
| 12. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Hoạt động điều hành website<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí và hoạt động của nhà báo)                                                                                                                                                                                                                      | 6312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư<br>(trừ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)                                                                                              | 6619 |
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ hoạt động tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán)                                                                                                                                                          | 7020 |
| 15. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                     | 7310 |
| 16. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch và dịch thuật<br>(trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và Tư vấn chứng khoán) | 7490 |
| 17. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                     | 1811 |
| 18. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                  | 1812 |
| 19. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                              | 4791 |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                       | 4931 |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 22. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                         | 5820 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức    | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN XUÂN<br>LONG | Thôn Tiên Động,<br>Xã Hồng Phong,<br>Huyện Thanh<br>Miện, Tỉnh Hải<br>Dương, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000        | 800.000.000              | 80,000       | 0300910151<br>76                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                       | Tổng số                            | 80.000        | 800.000.000              | 80,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ HUYỀN<br>TRANG | Tổ 40B, Phường<br>Thượng Đình,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000        | 100.000.000              | 10,000       | 0011880021<br>00                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                       | Tổng số                            | 10.000        | 100.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                                     |                           |        |             |        |              |
|---|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | LÝ ĐỨC PHƯƠNG | Căn 1605 CT2b No23, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 022090002163 |
|   |               |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                     | Tổng số                   | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |              |
|   |               |                                                                                     |                           |        |             |        |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN XUÂN LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030091015176

Ngày cấp: 13/06/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Tiên Động, Xã Hồng Phong, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tiên Động, Xã Hồng Phong, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội